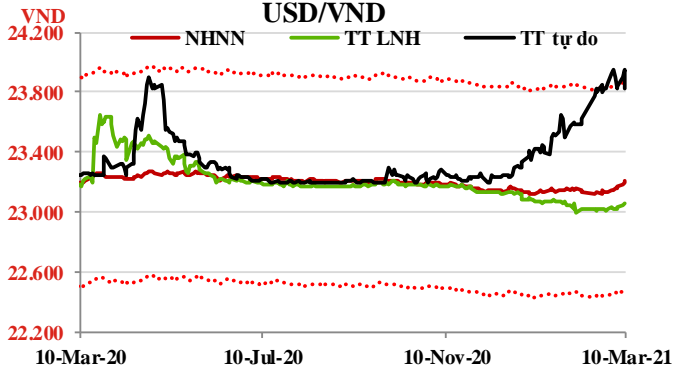


**Tin trong nước ngày 10/03**

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 10/03, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.203 VND/USD, tăng 03 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua kỳ hạn 6 tháng được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.125 VND/USD, tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.849 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 23.051 VND/USD, giảm 04 đồng so với phiên 09/03. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm mạnh 120 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 23.780 - 23.830 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 10/03, lãi suất chào bình quân LNH VND tiếp tục giữ nguyên ở kỳ hạn ON trong khi giảm 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn còn lại từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 0,34%; 1W 0,45%; 2W 0,56% và 1M 0,76%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,02 đpt ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 0,14%; 1W 0,19%; 2W 0,25%, 1M 0,33%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 3Y trong khi giảm 0,01 – 0,03 đpt ở các kỳ hạn còn lại, cụ thể: 3Y 0,64%; 5Y 1,08%; 7Y 1,48%; 10Y 2,35%; 15Y 2,56%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 1.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 10/03, KBNN huy động thành công 3.650/6.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 61%). Trong đó, kỳ hạn 5 năm huy động được 600/1.000 tỷ đồng, kỳ hạn 7 năm huy động được toàn bộ 1.000 tỷ đồng, kỳ hạn 10 năm huy động được 1.050/2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm huy động được 1.000/2.000 tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 5 năm tại 1,06%/năm (+0,03%); 7 năm tại 1,46%/năm (-0,09%); 10 năm tại 2,22% (+0,05%) và 15 năm tại 2,45%/năm (+0,05%).
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, sự phân hóa diễn ra mạnh ở nhóm cổ phiếu lớn, tuy nhiên các chỉ số vẫn nhận được lực đỡ từ nhiều mã trụ cột. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 8,11 điểm (+0,70%) lên 1.170,08 điểm; HNX-Index tăng 2,27 điểm (+0,86%) lên 267,1 điểm; UPCoM-Index tăng 0,70 điểm (+0,88%) lên 80,24 điểm. Thanh khoản thị trường ở mức rất cao với tổng trị giá giao dịch đạt gần 21.100 tỷ đồng. Khối ngoại tham gia mạnh vào thị trường và tiếp tục bán ròng gần 480 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Tổng cục Hải quan, tháng 02/2021, cán cân thương mại hàng hóa cả nước thâm hụt 0,46 tỷ USD, 2 tháng đầu năm thặng dư 1,63 tỷ.** Trong đó, kim ngạch xuất khẩu tháng 2 chỉ đạt 20,2 tỷ USD, giảm 29,3% so với tháng 1; lũy kế 2 tháng đầu năm đạt 48,74 tỷ, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm 2020. Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu tháng 2 đạt 20,66 tỷ USD, giảm 21,9% so với tháng trước đó, lũy kế 2 tháng đầu năm đạt 47,11 tỷ, tăng 25,5% so với 2/2020. Tổng kim ngạch XNK 2 tháng đầu năm đạt 95,85 tỷ USD, tăng 25,6% so với cùng kỳ.


**Lãi suất LNH**
**Trái phiếu**

Kỳ hạn	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.34	0.00	0.14	-0.01	3Y	0.64	0.01
1W	0.45	-0.01	0.19	-0.01	5Y	1.08	-0.01
2W	0.56	-0.02	0.25	-0.02	7Y	1.48	-0.01
1M	0.76	-0.02	0.33	-0.01	10Y	2.35	-0.03
2M	1.12	-0.02	0.46	0.02	15Y	2.56	-0.02
3M	1.34	-0.04	0.64	0.01			
6M	2.06	0.08	0.94	0.04			
9M	2.66	0.10	1.27	0.10			
1Y	3.11	0.16	1.33	0.10			

Nguồn: Reuters

**Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)**

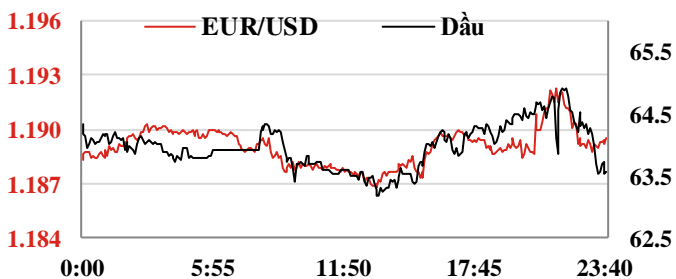
Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
10-03-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
09-03-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
08-03-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-

**Thị trường TPCP sơ cấp**

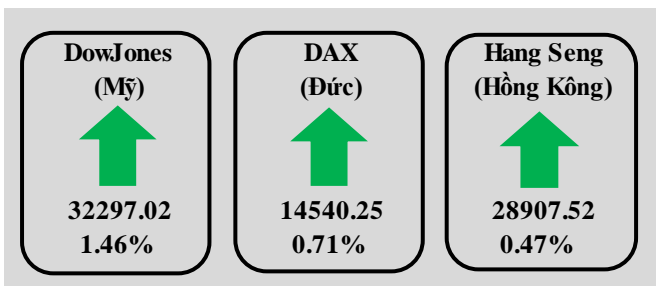
đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	10-Mar-21	5	1000	600	1.06%	0.03%
MOF	10-Mar-21	7	1000	1000	1.46%	-0.09%
MOF	10-Mar-21	10	2000	1050	2.22%	0.05%
MOF	10-Mar-21	15	2000	1000	2.45%	0.05%
<b>Tổng</b>			<b>6000</b>	<b>3650</b>		

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1170.08	267.10	80.24
%/ngày	0.70%	0.86%	0.88%
%31/12/2020	6.00%	31.5%	7.8%
KLGD (tr.d.v)	723.92	147.13	55.0
GTGD (tỷ đ)	17926.38	2222.17	915.05
NĐINN mua (tỷ đ)	4254.19	20.96	1.19
NĐINN bán (tỷ đ)	4727.74	27.27	1.01



	10 Mar 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	91.82	-0.15%	0.96%	2.10%
USD/CNY	6.51	0.00%	0.58%	-0.31%
USD/EUR	0.84	-0.23%	1.15%	2.42%
USD/JPY	108.38	-0.07%	1.30%	4.98%
USD/KRW	1135.91	0.09%	0.88%	4.74%
USD/SGD	1.34	-0.02%	0.83%	1.70%
USD/TWD	28.25	0.04%	1.68%	0.62%
USD/THB	30.68	-0.13%	1.15%	2.13%
USD/VND Trung tâm	23203	0.01%	0.18%	0.31%
USD/VND LNH	23051	-0.02%	0.13%	-0.16%
USD/VND tự do	23780	-0.50%	-0.08%	2.06%
Vàng	1726.05	0.62%	0.88%	-8.99%
Dầu	64.44	0.67%	5.16%	32.81%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0773	0.0001		
SW	0.0866	-0.0015		
1M	0.1059	-0.0013	0.2813	0.0000
2M	0.1428	0.0010		
3M	0.1841	0.0069	0.4368	0.0000
6M	0.1936	0.0041	0.5932	0.0000
1Y	0.2786	-0.0010	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 09/03/2021

### Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	16/03/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	11/03/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	18/03/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	18/03/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	06/04/2021

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

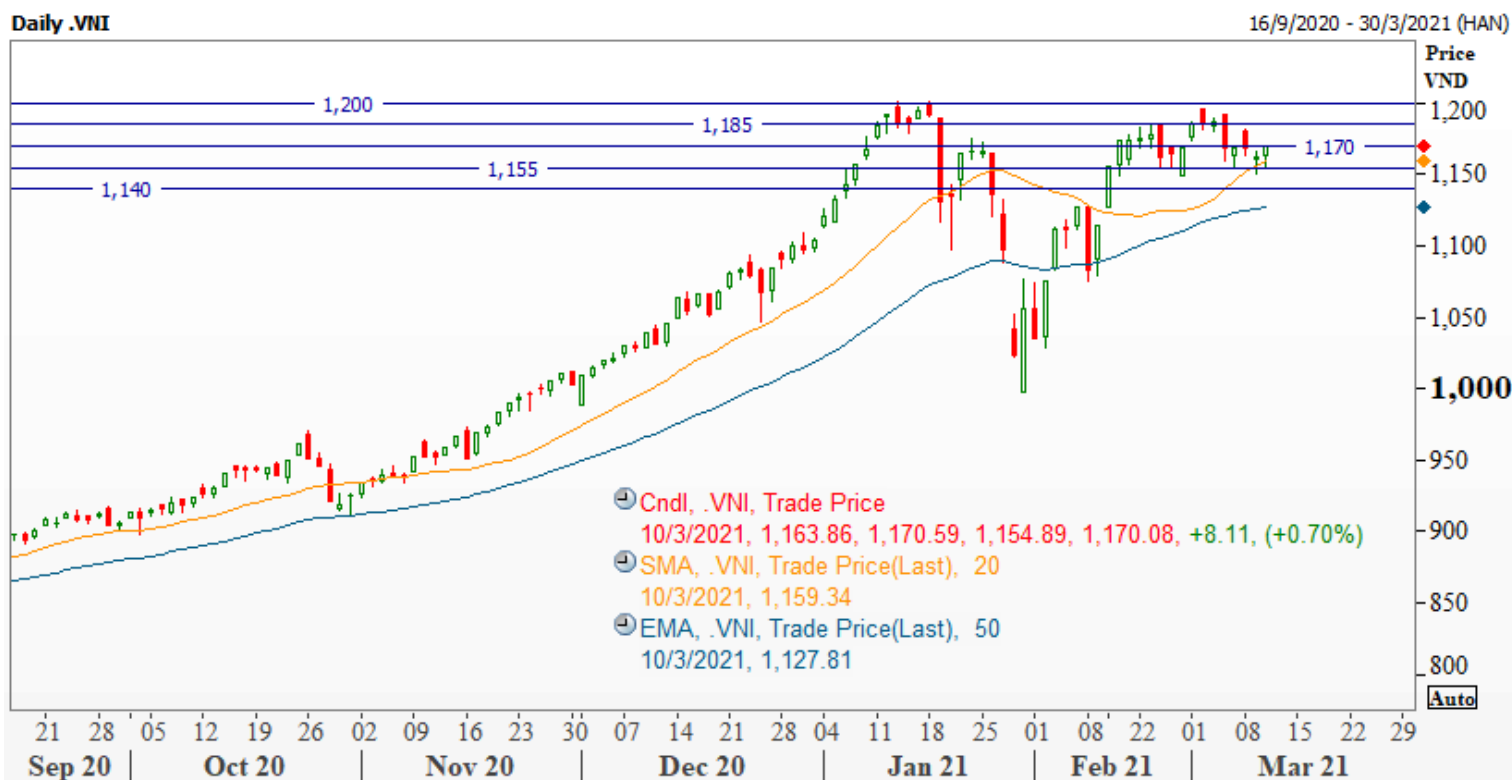
## Tin quốc tế

- CPI tại Mỹ tiếp tục tăng nhanh trong tháng vừa qua.** Cơ quan Thống kê Lao động Mỹ cho biết chỉ số giá tiêu dùng CPI toàn phần và CPI lõi của nước này lần lượt tăng 0,4% và 0,1% m/m trong tháng 2, sau khi lần lượt tăng 0,3% và đi ngang (0,0% m/m) ở tháng trước đó, gần khớp với dự báo tăng 0,4% và 0,2% của các chuyên gia. Như vậy, so với cùng kỳ năm 2020, CPI toàn phần của nước Mỹ tăng 1,7% (+0,3 đpt so với tháng 1) và CPI lõi tăng 1,3% (-0,1 đpt so với tháng 1). Các chuyên gia phân tích cho rằng mức CPI 1,7% y/y như hiện tại là tương đối cao, và chỉ số này có thể sẽ bắt đầu vượt qua ngưỡng mục tiêu 2,0% của Fed vào tháng 5. Gần đây, nhiều quan chức của Mỹ như Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Jerome Powell và Bộ trưởng Bộ Tài chính Janet Yellen đều lên tiếng trấn an về lạm phát tại Mỹ, tuy nhiên những phát biểu trên không có nhiều tác dụng, thị trường vẫn luôn hoài nghi về khả năng Fed phải tăng LSCS trở lại sớm hơn dự kiến.
- Niềm tin tiêu dùng tại Úc tiếp tục tăng trong tháng 3.** Tổ chức Westpac khảo sát cho biết chỉ số niềm tin tiêu dùng tại nước Úc tăng 2,6% m/m trong tháng 3, nối tiếp đà tăng 1,9% của tháng trước. Theo đó, chỉ số niềm tin tiêu dùng hiện tại của nước này là 111,8 điểm; gần chạm tới mức cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây (mức cao nhất là 112,0 điểm; ghi nhận tháng 12/2020). Nhiều đối tượng được khảo sát cho biết họ tin vào quá trình triển khai vaccine, cũng như các chính sách kích thích kinh tế đang được áp dụng bởi Chính phủ Úc, điều này sẽ mang tới quá trình phục hồi và phát triển bền vững trong tương lai.
- CPI tại Trung Quốc tiếp tục duy trì ở mức thấp.** Cụ thể, Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc cho biết CPI toàn phần tại nước này trong tháng 2 giảm 0,2% y/y, không giảm sâu bằng tháng 1 cũng là dự báo ở mức -0,3% của tháng 1. Tuy nhiên, theo mục tiêu tăng trưởng kinh tế trên 6,0% mà Bắc Kinh đề ra, các nhà kinh tế dự báo NHTW Trung Quốc PBoC có thể sẽ thắt chặt CSTT ngay trong năm nay. Trong năm 2020, GDP Trung Quốc tăng trưởng 2,3%; mức thấp kỷ lục trong vòng 44 năm trở lại đây, tuy nhiên vẫn thuộc một trong những nước tăng trưởng nhanh nhất thế giới năm qua. Vẫn liên quan tới chỉ số giá, chỉ số giá sản xuất PPI tại nước này tăng 1,7% y/y trong tháng 2 vừa qua, cao hơn nhiều so với mức tăng 0,3% của tháng 1 và vượt qua cả mức tăng 1,5% theo kỳ vọng.

### Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
10-03	6:30	*	Niềm tin tiêu dùng Westpac Úc T3	2,6		1,9
10-03	8:30	*	CPI Trung Quốc yy T2	-0,2	-0,3	-0,3
10-03	8:30	*	PPI Trung Quốc yy T2	1,7	1,5	0,3
10-03	20:30	***	CPI Mỹ nm T2	0,4	0,4	0,3
10-03	20:30	***	CPI lõi Mỹ nm T2	0,1	0,2	0,0
11-03	19:45	***	LSCS NHTW Châu Âu ECB		0,0	0,0
11-03	20:30	*	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ we		730K	745K

## VN-INDEX



VN-Index tăng lên mức 1.170,08 điểm. Lực cầu tại vùng hỗ trợ 1.150-1.155 điểm gia tăng mạnh giúp thị trường tăng điểm, tuy nhiên, áp lực cũng có thể sẽ gia tăng trở lại trong một vài phiên kế tiếp khi VN-Index thử thách lại vùng kháng cự 1.185-1.200 điểm.

*Nguỡng hỗ trợ: 1.155 – 1.140*

*Nguỡng kháng cự: 1.188 – 1.200*

## NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội  
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)